

Bản án số: 802/2025/HS-ST
Ngày 19-12-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thương Huyền

Thẩm phán: Bà Phạm Uyên Thy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Hải
2. Bà Lê Vũ Thúy Hằng
3. Bà Thi Thị Tuyết Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 1085/2025/TLST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 7273/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 12 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn L; sinh ngày 01/01/1989 tại tỉnh Kiên Giang (nay là tỉnh An Giang); Nơi thường trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang (nay là Ấp A, xã K tỉnh An Giang); Nơi ở: Khu phố D, phường X, thành phố Y, tỉnh Bình Dương (nay là phường M, Thành phố Hồ Chí Minh); Nghề nghiệp: tài xế; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Lê Thị H; có vợ là Nguyễn Minh K; có 01 con sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 19/5/2015, bị Tòa án nhân dân quận X, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, chấp hành xong hình phạt ngày 27/02/2018 (Bản án số 157/2015/HSST).

Tạm giam từ ngày 07/3/2025 tại Trại tạm giam Số 2, Công an Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt

Bị hại: Anh Ngô Thanh T, sinh năm 1982

Thường trú: đường N, Tổ K, khu phố H, phường I, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Phan Thanh K, sinh năm 1987

Thường trú: Tổ Y, Phường I, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp

Chỗ ở: Ấp G, xã H, huyện Bến Lức, Long An Vắng mặt.

2/ Anh Phan Quốc M, sinh năm 1999

Thường trú: Ấp M, huyện K, tỉnh Long An. Vắng mặt.

3/ Anh Nguyễn Sơn T, sinh năm 1992

Thường trú: đường N, phường K, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

Người bào chữa:

Ông Phạm Hữu Tuấn M, luật sư của công ty luật sư của Văn phòng luật sư PHT thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn L (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền sử dụng cho mục đích cá nhân, Nguyễn Văn L đã nảy sinh ý định lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của người khác bằng cách hợp đồng thuê xe tự lái rồi mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. Ngày 11/11/2023, L đến gặp anh Ngô Thanh T thỏa thuận thuê xe ô tô nhãn hiệu ISUZU, số loại MU-X, biển số 61A-795.41 của anh T để tự lái, hai bên lập hợp đồng thuê xe, thời hạn thuê 10 ngày (từ ngày 11/11/2023 đến 21/11/2023). Sau khi thuê được xe của anh T, L đặt trên mạng xã hội thuê làm giả 01 Căn cước công dân và 01 giấy phép lái xe (bản in màu) mang tên “Vũ Văn H”; đồng thời L tự làm giả hợp đồng cho thuê xe ô tô tự lái giữa L và Vũ Văn H (trùng thời hạn L thuê xe ô tô của anh T). Sau đó, thông qua các mối quan hệ bạn bè và xã hội giới thiệu anh Nguyễn Sơn T, Đồng Văn D, anh Phan Quốc M, Hồ Văn N, Dương Xuân Đ để L nhờ tìm người cầm cố chiếc xe ô tô biển số 61A-795.41. Trong quá trình nhờ người cầm cố xe ô tô, L nói dối xe ô tô biển số 61A-795.41 là L mua tại Campuchia không chính chủ, đang cần tiền nên đem đi cầm cố.

Ngày 14/11/2023, L điều khiển xe ô tô biển số 61A-795.41 chở theo N và M đi từ tỉnh Bình Dương đến một quán cà phê ở xã Thạnh Phú, huyện Bến Lức, tỉnh Long An để gặp Đ và anh Phan Thanh K thỏa thuận cầm cố xe ô tô biển số 61A-795.41. Tại đây, L và đang ngồi trong quán cà phê, còn Đ dẫn anh K ra ngoài xem xe ô tô, anh K biết xe ô tô biển số 61A-795.41 không chính chủ nhưng vẫn nhận đồng ý cầm cố với giá 250.000.000 đồng, lãi suất 15.000.000 đồng/tháng. Anh K đưa cho M số tiền 235.000.000.000 đồng, cắt trước tiền lãi 15.000.000 đồng. Sau khi cầm cố được xe, L cho T số tiền 10.000.000 đồng và cho M số tiền 500.000 đồng, còn lại L sử dụng tiêu xài cá nhân. Khi hết thời hạn thuê xe ô tô biển số 61A-795.41, anh T yêu cầu L trả xe nhưng L nói dối đã xem xe ô tô biển số 61A-795.41 cho người tên Vũ Văn H thuê lại và Đ gửi xe tại bãi giữ xe của anh K tại

xã TT, huyện BL, tỉnh Long An nên anh T tìm gặp anh K để lấy lại xe thì được biết chiếc này anh K nhận cầm cố từ Phan Quốc M.

Ngày 30/11/2023, anh T đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An để trình báo vụ việc. Cùng ngày 30/11/2023 Nguyễn Văn L đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An tố giác anh Vũ Văn H thuê xe của bị cáo nhưng không trả theo hợp đồng, cắt đứt liên lạc với L.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An đã thu giữ xe ô tô nhãn hiệu ISUZU, số loại MU-X, biển số 61A-795.41 tại bãi xe của anh Phan Thanh K để phục vụ quá trình điều tra.

Ngày 07/3/2025, Nguyễn Văn L đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, lời khai của Nguyễn Văn L phù hợp với diễn biến vụ án và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 213/KLĐG-HĐĐDGTST ngày 08/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố Dĩ An kết luận: *Xe ô tô hiệu ISUZU, số loại MU-X, biển số 61A-795.41 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 650.000.000 đồng.*

Tại kết luận giám định số 1779/KL-KTHS(TL) ngày 16/5/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương xác định:

- *Không xác định được chữ ký viết tên “H” và chữ viết họ tên “Vũ Văn H” dưới mục “bên B –khách thuê xe” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn L trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M4 có phải do cùng một người ký và viết ra hay không.*

- *Chữ ký, chữ viết mang tên “Nguyễn Văn L” trên “Hợp đồng thuê xe tự lái” ngày 11/11/2023 (ký hiệu A) so với chữ ký chữ viết của Nguyễn Văn L trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M4) do cùng một người ký và viết ra.*

Vật chứng thu giữ:

- Xe ô tô hiệu ISUZU, số loại MU-X, biển số 61A-795.41, kèm giấy chứng nhận đăng ký xe (đã trả lại cho anh T).

- 01 hợp đồng cho thuê xe tự lái đối với xe ô tô hiệu ISUZU, biển số 61A-795.41, màu trắng ngày 11/11/2023, có ghi nội dung thuê xe giữa người có tên Nguyễn Văn L (Bên cho thuê) và Vũ Văn H (bên thuê xe); chữ ký của Nguyễn Văn L (bên cho thuê) và chữ ký Vũ Văn H (bên khách thuê xe), căn cước công dân, giấy phép lái xe mang tên Vũ Văn H (bản phô tô).

- 01 giấy cầm xe giữa anh K với M.

Những vật chứng trên để vào hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại T đã nhận lại xe ô tô biển số 61A-795.41, không có yêu cầu bị cáo L bồi thường.

- Gia đình bị cáo L đã bồi thường cho anh K số tiền 235.000.000 đồng, anh K không yêu cầu gì thêm.

Cáo trạng số 785/CT-VKS-P2 ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Nguyễn Văn L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố; sau khi phân tích tính chất, mức độ của hành vi phạm tội cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 12 đến 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự, vật chứng: Không phải giải quyết.

Đối với hành vi đặt làm giả căn cước công dân và giấy phép lái xe mang tên Vũ Văn H. Do không thu giữ được các loại giấy tờ tài liệu trên nên không có căn cứ xử lý đối với bị cáo.

Đối với anh Vũ Văn H (sinh năm: 1982, nơi cư trú: Tổ K, Ấp A, xã L, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai), CCCD số: 705082008604 không biết bị L dùng thông tin cá nhân để làm giả giấy tờ, thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý là chính xác.

Đối với Dương Xuân Đ, Phan Quốc M, Đồng Văn D, Hồ Văn N, Nguyễn Sơn T, được L nhờ đi cầm cố xe nhưng không biết L phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh không xử lý là có căn cứ.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày:

Bị cáo đã thực hiện hành vi lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại nên thống nhất với tội danh, điều khoản Viện kiểm sát đã truy tố. Tuy nhiên, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã đầu thú, tác động gia đình bồi thường toàn bộ số tiền cho anh Phan Thanh K và chiếc xe đã được thu hồi trả cho anh Ngô Thanh T. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt.

Bị cáo không tranh luận tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát bảo lưu quan điểm.

Bị cáo nói sau cùng: Xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến, khiếu nại đối với các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng là hợp pháp. Người bào chữa cho bị cáo đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận thực hiện hành vi như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo khai nhận: do có khó khăn về kinh tế nên bị cáo đã nảy sinh ý định thuê xe ô tô của anh T mang đi cầm cố lấy tiền. Bị cáo đã làm Hợp đồng thuê xe của anh T rồi lên mạng Facebook đặt làm 01 căn cước công dân và 01 giấy phép lái xe giả. Sau khi nhận được giấy tờ giả mang tên Vũ Văn H, bị cáo tự làm Hợp đồng cho thuê xe ô tô giữa bị cáo và Vũ Văn H (người mang tên trên căn cước công dân và giấy phép lái xe giả, bị cáo không biết anh H là ai); bị cáo đã ký tên Vũ Văn H trong hợp đồng thuê xe. Bị cáo đã vứt bỏ căn cước công dân và giấy phép lái xe giả (không nhớ vứt ở đâu). Sau đó bị cáo đã nhờ Nguyễn Sơn T, sau đó được giới thiệu Đồng Văn D, Phan Quốc M, Hồ Văn N, Dương Xuân Đ để cầm cố xe cho anh Phan Thanh K. Những người trên đều không biết chiếc xe trên là xe bị cáo lừa đảo anh Ngô Thanh T.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Do không có tiền tiêu xài, bị cáo Nguyễn Văn L đã nảy sinh ý định đi lừa đảo xe ô tô của anh Ngô Thanh T, với thủ đoạn bị cáo thuê xe tự lái của anh Ngô Thanh T, sau đó lên mạng đặt mua căn cước công dân, giấy phép lái xe giả. Sau khi nhận được căn cước công dân, giấy phép lái xe giả mang tên Vũ Văn H nên bị cáo làm giả hợp đồng thuê xe tự lái giữa bị cáo và anh Vũ Văn H. Sau đó, thông qua các mối quan hệ quen biết, chiếc xe đã được cầm cố cho anh Phan Thanh K với giá 250.000.000 đồng, bị cáo thực nhận 235.000.000 đồng. Tại bản kết luận định giá tài sản số 213/KLĐG-HĐĐDGTS ngày 08/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự thành phố Dĩ An kết luận: *Xe ô tô hiệu ISUZU, số loại MU-X, biển số 61A-795.41 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 650.000.000 đồng.*

Bị cáo đã thực hiện một loạt hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại, tài sản bị chiếm đoạt có giá trị 650.000.000 đồng nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo là có căn cứ.

[5] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; chiếc xe ô tô bị cáo chiếm đoạt đã trả cho bị hại; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ số tiền cho anh Phan Thanh K nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo ra đầu

thú nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Xét thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của tổ chức, cá nhân được pháp luật bảo vệ; bị cáo thực hiện hành vi tảo bạo liều lĩnh, coi thường pháp luật, thể hiện: bị cáo thực hiện một loạt hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản, sau khi chiếm đoạt được tài sản mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân; ngoài ra bị cáo còn lừa dối Cơ quan điều tra là trình báo anh Vũ Văn H thuê xe của bị cáo rồi không trả, cơ quan điều tra đã thu thập tài liệu để xác minh tổ giác của bị cáo đối với anh Vũ Văn H gây khó khăn cho công tác điều tra, hơn nữa, bị cáo có nhân thân xấu nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo.

[7] Đối với hành vi đặt làm giả căn cước công dân và giấy phép lái xe giả: Do không thu giữ được giấy tờ bị làm giả nên không có căn cứ xử lý bị cáo về hành vi Làm giả tài liệu, sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

[8] Đối với anh Vũ Văn H (sinh năm: 1982, nơi cư trú: Tổ 11, Ấp 1, xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai), CCCD số: 705082008604 không biết bị L dùng thông tin cá nhân để làm giả giấy tờ, thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[9] Đối với Dương Xuân Đ, Phan Quốc M, Đồng Văn D, Hồ Văn N, Nguyễn Sơn T được L nhờ đi cầm xe nhưng không biết chiếc xe do L phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

[10] Các lập luận trên đây cũng là căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận hoặc không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, người bào chữa và bị cáo tại phiên tòa.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 12 (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 07/3/2025.

2. Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- VKSND TC; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- CQ THAHS CA.TPHCM (1)
- CQCSĐT –CA.TP.HCM; (1)
- Trại tạm giam số 2; (1)
- Thi hành án dân sự TP.HCM (1)
- PV06-CA.TP.HCM (1)
- Bị cáo; (1)
- Bị hại; (1)
- Người có QLNVLQ; (4)
- Luật sư; (1)
- UBND nơi các bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (22) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thương Huyền